

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**
Ngày : 07-9-2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sô Thị Mẹo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và ông A Lê Y Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021 ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Kim Thị Cham P**, sinh năm 1990.

Trú tại: Ấp Trạm, xã P2, huyện T, tỉnh T1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Thái Hoàng P1**, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23/02/2021 và các bản khai có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Thái Hoàng P1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn từ ngày 17/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P2, huyện T, tỉnh T1. Quá trình chung sống hạnh phúc không trọn vẹn. Tháng 9/2015 ông P1 bỏ đi và không liên lạc với tôi từ đó đến nay. Hiện tình cảm giữa tôi và ông P1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do xã P2, huyện T, tỉnh T1 cấp ngày 17/6/2015 xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn cư trú tại thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn Kim Thị Cham P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Thái Hoàng P1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày: *“Quá trình chung sống hạnh phúc không trọn vẹn. Tháng 9/2015 ông P1 bỏ đi và không liên lạc với tôi từ đó tới nay”*. Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 18/3/2021 do nguyên đơn cung cấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P2 thể hiện tình cảm giữa nguyên đơn và bị đơn *“không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

Từ các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn, bị đơn không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên nguyên đơn là người dân tộc Khmer hiện đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn Kim Thị Cham P được ly hôn với bị đơn Thái Hoàng P1.

2. Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn Kim Thị Cham P.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã P2;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sô Thị Mẹo